TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2025
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng;
2. Bà Nguyễn Thị Di.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Lê Thanh H, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2024; bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu V trình bày:

Về hôn nhân: Bà V và ông H có tìm hiểu thấy tình cảm hai người thương yêu nhau nên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2001. Có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 048, quyển số 02/2001 ngày 14/5/2002 tại UBND xã

P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại địa chỉ số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên những năm gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về nhiều vấn đề, thường xuyên cãi vã. Bà V đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ này nhưng vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn gắn bó với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa.

Nay, nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau như trước, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà V xác nhận bà và ông H có 04 con chung tên Lê Minh H1, sinh năm 1989; Lê Phạm Minh T, sinh năm 1993; Lê Minh Đ, sinh năm 2002; Lê Thanh V1, sinh năm 2005. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2025, bị đơn ông Lê Thanh H trình bày:

Ông H và bà V kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L vào năm 2002. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông H đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà V.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Minh H1, sinh năm 1989; Lê Phạm Minh T, sinh năm 1993; Lê Minh Đ, sinh năm 2002; Lê Thanh V1, sinh năm 2005. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tại sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà V và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Phạm Thị Thu V yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh H nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn"; bị đơn ông H có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, bà V và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà V và ông H có tìm hiểu thấy tình cảm hai người thương yêu nhau nên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2001. Có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 048, quyển số 02/2001 ngày 14/5/2002 tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại địa chỉ số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên những năm gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về nhiều vấn đề, thường xuyên cãi vã. Bà V đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ này nhưng vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn gắn bó với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa. Nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H. Ông H đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà V.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp cho thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông H là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông H.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông H có 04 con chung tên Lê Minh H1, sinh năm 1989; Lê Phạm Minh T, sinh năm 1993; Lê Minh Đ, sinh năm 2002; Lê Thanh V1, sinh năm 2005. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Bà V và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đình về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Thu V ly hôn ông Lê Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Bà V và ông H có 04 con chung tên Lê Minh H1, sinh năm 1989; Lê Phạm Minh T, sinh năm 1993; Lê Minh Đ, sinh năm 2002; Lê Thanh V1, sinh năm 2005. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003960, ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Đất;
- THADS huyện Long Đất;
- UBND xã Phước Hưng (GCNKH số 048, quyển số 02/2001 ngày 14/5/2002);
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình